

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 04 năm 2026



## PHIẾU YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “*Các loại màng lọc và lọc của hãng Millipore*”.

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

#### 1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu: Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế
- Địa chỉ: 09 Pasteur, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: 0258 3821230 – Số fax: 02583 823815

#### 2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Họ tên: Tô Võ Hồng Loan - Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư
- Số điện thoại: 02583821230 - Email: [vattuivac@gmail.com](mailto:vattuivac@gmail.com)

#### 3. Cách thức tiếp nhận báo giá: chọn lựa 01 trong 02 cách thức sau

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế, Phòng Vật tư - 09 Pasteur, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

- Nhận qua email: [vattuivac@gmail.com](mailto:vattuivac@gmail.com) (bản scan có dấu đỏ của công ty)

#### 4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 13 tháng 04 năm 2026 đến trước 17h00 ngày 17 tháng 04 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

#### 5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17 tháng 04 năm 2026.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

#### 1. Danh mục hàng hóa kèm mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật

**1. Danh mục hàng hóa kèm mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật**

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
1	Màng lọc Pellicon 2 Cassette  189/Q1/26 (HT)	<p><b>Code:</b> P2C030C05  <b>Hãng SX:</b> Millipore  <b>Tính năng, thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màng lọc tiếp tuyến 30kDa, diện tích 0,5m<sup>2</sup></li> <li>- Dạng màng lọc: Cassette</li> <li>- Kích thước NMWCO: 30 kDa</li> <li>- Diện tích trên màng lọc: 0.5 m<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu màng lọc: Màng lọc: Composite Regenerated Cellulose (CRC); Màn (screen): Polypropylene; loại C</li> <li>- Kết dính: Urethane</li> <li>- Màng lọc được phủ bằng lớp màn (C screen) làm bằng Polypropylene dùng cho các mẫu protein đậm đặc hoặc dung dịch có độ nhớt cao (IgG, Biopolymers), các protein có độ nhạy với tác động của lực</li> <li>- Màng lọc có cấu trúc không lỗ rỗng (void-free) để đảm bảo về độ lưu giữ và độ toàn vẹn</li> <li>- Để ngăn ngừa thất thoát sản phẩm, các bộ lọc Pellicon 2 được kiểm tra 100% trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo mỗi bộ lọc đều đạt yêu cầu về tính toàn vẹn.</li> <li>- Thể tích làm việc tối thiểu &lt; 175 mL/m<sup>2</sup></li> <li>- Nhiệt độ vận hành: 4 - 50°C</li> <li>- pH: 2 – 13</li> <li>- Sản phẩm phải được kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng hoặc có chứng chỉ chất lượng sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ tính theo USP &lt;class VI&gt;</li> <li>+ Mức độ thôi rửa (Extractable) ≤ 1500 mg/m<sup>2</sup> khi rửa với nước</li> <li>+ Đạt độ toàn vẹn màng lọc với lưu lượng ≤ 18 cc/phút tại 10 psi (690 mbar)</li> </ul> </li> </ul>	10	cái

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức giảm áp suất từ 5 – 14 psi (300 – 970 mbar) tại tốc độ 0.8 gpm (3 L/phút)</li> <li>- Mức áp suất xuyên màng tối đa: 3.4 bar ở 30oC</li> <li>- Áp suất xuyên màng ngược tối đa: 0.33 bar</li> <li>- Kích thước màng lọc: Rộng 17.8, Dài 21cm, Dày 1.5cm</li> <li>- <b>Quy cách:</b> 1 cái/ Hộp</li> </ul>		
2	<p>Lọc khí; Aerent Cartridge 0,2µm 10" CD0</p> <p>163/Q1/26 (BOG)</p>	<p><b>Code:</b> CTGR01TP1  <b>Hãng SX:</b> Millipore  <b>Tính năng, Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màng lọc khí kích thước lỗ lọc 0,2µm, dạng cartridge, diện tích màng lọc 0,65m<sup>2</sup></li> <li>- Dạng màng lọc: Cartridge</li> <li>- Kích thước: 10 inch</li> <li>- Diện tích trên màng lọc: 0.65 m<sup>2</sup></li> <li>- Sản phẩm phải được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP và ISO 9001</li> <li>- Chất liệu màng lọc:  + Màng lọc: Polytetrafluoroethylene (PTFE)  + bên ngoài và vòng ron bên dưới: polypropylene support, silicone seal</li> <li>- Khả năng đáp ứng tiệt trùng: Tương thích với phương pháp tiệt trùng tại chỗ</li> <li>- Đặc điểm: Kỵ nước</li> <li>- "Tốc độ khuếch tán nitơ ≤ 24 mL/phút tại 970 mbar (14 psig) và 23°C (trong dung dịch 70/30% IPA/nước)</li> <li>- Chênh áp tối đa 1,8 bar (25 psid) tại 80°C (dòng xuôi – Forward)</li> <li>- Chênh áp tối đa 4,1 bar (60 psid) (dòng ngược – Reverse; gián đoạn)</li> <li>- Chênh áp tối đa 5,5 bar (80 psid) tại 25°C (dòng xuôi – Forward)</li> <li>- Chênh áp tối đa 5,5 bar (80 psi) tại 25°C (dòng xuôi – Forward)</li> <li>- Ứng dụng: lọc khí</li> </ul>	01	cái

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: chiều dài 10" (25 cm), đường kính 2,7" (6.9cm)</li> <li>- Tạp chất (Impurities): &lt; 0,25 EU/mL nội độc tố vi khuẩn theo tiêu chuẩn USP</li> <li>- Chất chiết xuất theo phương pháp khối lượng (Gravimetric extractables): ≤ 35 mg/ cartridge</li> <li>- Mẫu đầu vào: khí</li> <li>- Áp suất điểm sủi bọt (bubble point): ≥ 1100 mbar (16 psig), sử dụng với dung dịch 70/30% IPA/nước tại 23°C</li> <li>- "Phương pháp tiệt trùng (Sterilization Method):</li> <li>- Chịu được 150 chu kỳ SIP (100 chu kỳ dòng xuôi / 50 chu kỳ dòng ngược), mỗi chu kỳ 30 phút tại 145°C</li> <li>- Sản phẩm này được sản xuất với màng PTFE, đáp ứng tiêu chí của một màng lọc "không giải phóng sợi" (non-fiber releasing) theo định nghĩa trong 21 CFR 210.3 (b)(6)."</li> <li>- Khả năng giữ vi khuẩn (Bacterial Retention): Các mẫu được chứng minh có khả năng giữ lại hoàn toàn (quantitative retention) vi khuẩn <i>Brevundimonas diminuta</i> ở mức thử thách tối thiểu <math>1 \times 10^7</math> CFU/cm<sup>2</sup>, theo phương pháp ASTM® F838.</li> <li>- HydroCorr: ≤ 0,75 mL/phút tại 2,6 bar (38 psig) trên mỗi cartridge dài 10 inch</li> </ul> <p><b>Quy cách: 01 cái/hộp</b></p>		
3	Lọc Optical XL3 Capsule 345/30/03/25 (VXTL)	<p><b>Code:</b> KHGES03HH3  <b>Hãng SX:</b> Millipore  <b>Tính năng, Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lọc capsule Opticap® XL 3.</li> <li>- Vật liệu lọc: Millipore Express® SHC vô trùng 0.5 / 0.2 μm.</li> <li>- Thành phần hóa học: Polyethersulfone (PES) ưa nước.</li> <li>- Đầu vào: 9/16 inch. Hose Barb</li> </ul>	8	Hộp

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu ra: 9/16 inch. Hose Barb</li> <li>- Áp suất vận hành tối đa: 80 psi tại 25 °C.</li> <li>- Mức chất lượng: 400.</li> <li>- Vật liệu: Giá đỡ polyester, polyethersulfone, polypropylene, vỏ polypropylene, nắp thông hơi polypropylene, polysulfone, gioăng silicon</li> <li>- Đáp ứng yêu cầu FDA về phụ gia thực phẩm gián tiếp theo 21 CFR 177-182 (toàn bộ vật liệu cấu thành).</li> <li>- Độ vô trùng: Được chiếu xạ, vô trùng.</li> <li>- Đặc tính: Ưa nước.</li> <li>- ≤7.6 mL/phút khuếch tán khí tại 2.8 bar (40 psig) và 23 °C (trong nước); áp suất chênh tối đa 1.0 bar (15 psid) tại 80 °C (chiều thuận); áp suất đầu vào tối đa 1.0 bar (15 psi) tại 80 °C; áp suất chênh tối đa 100 psi (6.9 bar) (gián đoạn); áp suất chênh tối đa 2.1 bar (30 psid) tại 25 °C (chiều ngược; gián đoạn); áp suất đầu vào tối đa 2.75 bar (40 psi) tại 60 °C; nhiệt độ đầu vào tối đa 25 °C; áp suất chênh tối đa 5.5 bar (80 psid) tại 25 °C (chiều thuận); áp suất đầu vào tối đa 5.5 bar (80 psi) tại 25 °C; áp suất chênh tối đa 6.9 bar (100 psid) tại 25 °C (chiều thuận; gián đoạn); áp suất đầu vào tối đa 6.9 bar (100 psi) tại 25 °C (gián đoạn); áp suất chênh tối đa 80 psi (5.5 bar) (liên tục); áp suất đầu vào tối đa 80 psig.</li> <li>- Chiều dài: 17.3 cm (6.8 inch).</li> <li>- Chiều dài danh định cartridge: 3 inch (7.5 cm).</li> <li>- Đường kính: 10.7 cm (4.2 inch).</li> <li>- Diện tích lọc: 0.13 m<sup>2</sup>.</li> </ul>		
--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính kết nối đầu vào: 9/16 inch.</li> <li>- Khoảng cách từ đầu vào đến đầu ra: 17.3 cm (6.8 inch).</li> <li>- Đường kính kết nối đầu ra: 9/16 inch.</li> <li>- Nội độc tố vi khuẩn: <math>\leq 0.25</math> EU/mL (test LAL, chiết nước).</li> <li>- Nội độc tố vi khuẩn theo USP: <math>&lt; 0.25</math> EU/mL (test LAL, chiết mẫu bằng nước).</li> <li>- Kích thước lỗ: 0.5 / 0.2 <math>\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Điểm sỏi bọt: <math>\geq 4000</math> mbar (58 psig), khí với nước tại 23 °C.</li> </ul> <p><b>Quy cách: 3 cái/ Hộp</b></p>		
--	--	--	--	--

2. **Địa điểm cung cấp:** Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế - Số 09 Pasteur, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

3. **Thời gian giao hàng dự kiến:** 12 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.

4. **Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:** Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng, xuất hóa đơn và biên bản nghiệm thu.

5. **Đóng gói và bảo hành:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Vật tư.

TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ 

  
Nguyễn Sỹ Tuấn.